

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2021

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước

Ông Lê Minh Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Huỳnh N**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Số 153A/14 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 5A/16 ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Huỳnh N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Minh T có quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã E, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 08, ngày 15/02/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Ngoài ra anh T còn có quan hệ tình cảm bên ngoài, mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, vì vậy chị N đã ly thân với anh T từ tháng 3/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/10/2019 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/10/2019. Hiện 02 cháu đang sinh sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu K và cháu H, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, chị Hồ Thị Huỳnh N trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đối với bị đơn vắng mặt không tham gia hoà giải, không có văn bản trình bày ý kiến là không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147, 228, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị Huỳnh N: Cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/10/2019 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/10/2019 cho chị Hồ Thị Huỳnh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hồ Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 08, ngày 15/02/2019 tại UBND xã E, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N: Chị N trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo cho vợ con. Chị N đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai người đã ly thân từ tháng 3/2021.

Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương xác nhận hiện anh T không còn thường xuyên sinh sống tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị N và anh T không có trình báo (BL số 48, 49). Trong quá trình ly thân chị N và anh T đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị N xác định không còn tình cảm với

anh T, anh T cũng không còn quan tâm đến gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/10/2019 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/10/2019. Xét cháu K và cháu H hiện dưới 36 tháng tuổi, đã được chị N chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm chị N và anh T ly thân đến nay nên tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con chung của anh T gửi đến Toà án. Do đó, yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Hồ Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Huỳnh N.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/10/2019 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/10/2019 cho chị Hồ Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006797 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị N đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã E: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka